TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B– TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Btham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Btiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 287/2024/TLST - DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 128/2024/QĐST- DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bgiữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1969

Địa chỉ: số A, ấp X, xã T, huyện B, Bến Tre

Đại diện ủy quyền của bà P: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1997 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Bà Hồ Kim P2, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Giữa bà Bé P và vợ chồng bà Hồ Kim P2, ông Huỳnh Văn P1 có quen biết nên vào ngày 10/02/2023 AL (nhằm ngày 31/3/2023), bà P1 có cho ông P1, bà P2 mượn số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) với lý do mượn tiền là để đóng tiền hụi, sử dụng vào mục đích làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình. Khi mượn tiền bà P2 có làm biên nhận tiền bằng giấy viết tay đồng thời vợ chồng bà P2, ông P1 cam kết sẽ hoàn trả cho bà Bé P mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bắt đầu từ ngày 10/3/2023 AL (nhằm ngày 29/4/2023) cho đến khi hết số tiền 180.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay vợ chồng bà P2, ông P không hoàn trả cho bà Bé P bất kỳ một đồng nào theo thỏa thuận trước đó mặc dù bà P đã nhắc nhở nhiều lần.

Nay bà Nguyễn Thị Bé P khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn P1 và bà Hồ Kim P2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B P1 số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Huỳnh Văn P1 và bà Hồ Kim P2 vắng mặt tại các lần hòa giải cũng như xét xử nhưng tại bản tự khai ngày 15/11/2023 ông P1 và bà P2 trình bày ý kiến thể hiện ông P1, bà P2 không có mượn của bà Nguyễn Thị Bé P số tiền như phía nguyên đơn bà B P trình bày nhưng bà P2 thừa nhận bà còn nợ của bà B P số tiền hụi chết là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) Nếu bà Bé P cho vợ chồng bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu đồng) đồng thì vợ chồng bà đồng ý trả số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) còn nợ cho bà Nguyễn Thị Bé P.

** Quan điểm của Đại diện Viện kểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé P buộc bị đơn ông Huỳnh Văn P1 và bà Hồ Kim P2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé P số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Bị đơn bà Hồ Kim P2, ông Huỳnh Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Hồ Kim P2, ông Huỳnh Văn P1 vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Mộng T và bà Hồ Kim P2, ông Huỳnh Văn P1.

2. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào tờ nhận tiền có nội dung "Tôi tên Hồ Kim P2 có mượn của Nguyễn Thị Bé P tổng cộng số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) có ký tên xác nhận của bà P2". Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt cho ông P, bà P2 thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, trong đó có tờ nhận tiền do bà B P giao nộp, thông báo về phiên hòa giải ông P, bà P2 biết nhưng ông bà không đến dự hòa giải. Hơn nữa tại bản tự khai của ông P, bà P2 ông bà cũng thừa nhận còn nợ của bà B P số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó căn cứ vào tờ nhận tiền mà bà P cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn có cơ sở xác nhận bà Hồ Kim P2 và ông Huỳnh Văn P1 có nợ của bà Nguyễn Thị Bé P số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); do ông P, bà P2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Bé P khởi kiện có có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Bé P về việc buộc ông Huỳnh Văn P1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà P2 Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông P1 không ký vào tờ nhận tiền, nhưng khi bà bé P1 đến đòi tiền thì ông P1 có biết và có hứa cùng bà P2 trả nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hơn nữa ông P1 và bà P2 là vợ chồng; khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông P1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà P2 trả nợ.

[2.3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Hồ Kim P2 và ông Huỳnh Văn P1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 180.000.000 đồng x 5%= 9.000.000đ (Chín triệu đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn P1 và bà Hồ Kim P2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé P số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Huỳnh Văn P1 và bà Hồ Kim P2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé P số tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006556 ngày 11/9/2023; số 0004116 ngày 22/02/2024; số 0002419 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn bà Hồ Kim P2 và ông Huỳnh Văn P1 vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạnh 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu